

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ AIG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ AIG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AIG METAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: AIG METAL

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108723269

**3. Ngày thành lập:** 04/05/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 55, ngách 116, ngõ Trại Cá, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987660250

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3314     |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4101     |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4102     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4211     |
| 5.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4212     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                              | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                | 4229     |
| 8.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311     |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4312     |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                            | 4322     |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330     |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                              | 4610     |
| 14. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                              | 4651     |
| 15. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                               | 4652     |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Không bao gồm Kinh doanh vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4662        |
| 18. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn sơn, vécni;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663(Chính) |
| 19. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4741        |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                              | 4759        |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4933        |
| 24. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5022        |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5610        |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán: 180.000**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐINH QUANG ĐÔNG | Xóm Mít 1, Xã Tân Lập, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 91.800     | 918.000.000           | 51,000    | 131548379                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 91.800     | 918.000.000           | 51,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ THỊ SEN      | Thôn Lãng Niên, Xã Đại Thắng, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam         | Cổ phần phổ thông | 41.400     | 414.000.000           | 23,000    | 031184003881                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 41.400     | 414.000.000           | 23,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | DƯƠNG VĂN KHOA  | Tổ 13, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 46.800     | 468.000.000           | 26,000    | 025088000397                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 46.800     | 468.000.000           | 26,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 21/09/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 174660244

Ngày cấp: 01/03/2014

Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hoá

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Trung Yên, Xã Hải Yên, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Trung Yên, Xã Hải Yên, Huyện Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội